TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 196/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05 – 9 – 2019
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hoàng Kha.
2. Ông Phạm Văn Mười.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 593/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 548/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn*: Chị Lê Cẩm L, sinh năm: 1978 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp S, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

– *Bị đơn*: Anh Trần Khanh E, sinh năm: 1983 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp X, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

– *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lê Trung D, sinh năm: 1942.
Địa chỉ: Ấp G, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông D: Chị Lê Đào C – sinh năm 1983 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp S, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo giấy ủy quyền ngày 12/7/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 05/7/2019 và tại phiên tòa, chị Lê Cẩm L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Khanh E chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục ở địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị là do anh đánh số đề gây nợ nần nên chị và anh xảy ra cãi nhau, anh Khanh E đánh chị nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh Khanh E và mẹ anh qua nhận lỗi hứa sửa đổi nên chị hàn gắn về sống chung. Đến khoảng tháng 5 năm 2019 thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cũng do anh đánh số đề gây nợ nên chị giận bỏ đi, chị không dám cự cải vì sợ anh đánh như những lần trước. Mâu

thuẫn giữa vợ chồng chỉ có gia đình chị biết, gia đình anh không biết nên không tổ chức hòa giải hàn gắn. Nay chị xác định không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn anh Khanh E.

Về con chung: Anh chị có một người con tên Trần Thảo M, sinh ngày 13/6/2008, hiện con đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Vợ chồng có nợ ông Lê Trung D số tiền 125.000.000đ. Khi ly hôn chị yêu cầu cả hai có trách nhiệm cùng trả số nợ trên.

- *Tại bản tự khai và lời trình bày của bị đơn là anh Trần Khanh E trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện*:

Về hôn nhân: Anh xác định về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Đối với nguyên nhân mâu thuẫn anh xác định không đúng. Anh thừa nhận thời gian trước anh có gây nợ nần dẫn đến xảy ra cãi vã, anh có hứa sửa đổi và từ đó đến nay anh không gây nợ nần như chị L trình bày. Nay chị L xin ly hôn anh không đồng ý, anh còn thương vợ con, anh mong muốn chị L cho anh có cơ hội hàn gắn để lo cho con.

Về con chung: Anh xác định có một người con tên Trần Thảo M, sinh ngày 13/6/2008, hiện con đang sống với chị L. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Vợ chồng có nợ ông Lê Trung D số tiền 125.000.000đ. Khi ly hôn anh nhận trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên.

- *Tại bản tự khai và trình bày của đại diện người liên quan là chị Lê Đào C trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện*:

Ông Lê Trung D là cha của chị có cho vợ chồng chị Lê Cẩm L và anh Trần Khanh E mượn tổng cộng số tiền là 125.000.000đ. Nay chị L xin ly hôn anh Khanh E, chị yêu cầu chị L và anh Khanh E cùng có trách nhiệm trả số nợ trên cho ông D. Mỗi người trả một nữa là 62.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Cẩm L và anh Trần Khanh E xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2007, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị là do anh đánh số đề gây nợ nần nên chị và anh xảy ra cãi nhau, anh Khanh E đánh chị nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh Khanh E và mẹ anh qua nhận lỗi hứa sửa đổi nên chị hàn gắn về sống chung. Đến khoảng tháng 5 năm 2019 thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cũng do anh đánh số đề gây nợ nên chị giận bỏ đi, chị không dám cự cải vì sợ anh đánh như những lần trước. Mâu

thuẫn giữa vợ chồng chỉ có gia đình chị biết, gia đình anh không biết nên không tổ chức hòa giải hàn gắn. Nay chị xác định tình cảm không còn, sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn anh Khanh E. Đối với anh Khanh E xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không lớn, anh thừa nhận thời gian trước anh có gây nợ nần dẫn đến xảy ra cãi vã, anh có hứa sửa đổi và từ đó đến nay anh không gây nợ nần như chị L trình bày, ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn nào khác. Nay chị L xin ly hôn anh không đồng ý. Xét thấy đời sống hôn nhân của anh, chị đã thực sự không còn, anh Khanh E không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp hàn gắn, bản thân anh chị đều thừa nhận mâu thuẫn là có xảy ra, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị được ly hôn anh Khanh E.

[2] Về con chung: Chị L, anh Khanh E xác định có 01 con chung tên Trần Thảo M, sinh ngày 13/6/2008, hiện cháu đang sống với chị L. Khi ly hôn, cả hai anh chị đều yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt để giao con chung cho người trực tiếp nuôi, xét cháu Thảo M là con gái nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng từ người mẹ và cháu hiện đang sống với chị L, nguyện vọng của cháu muốn sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn và nhằm tránh xáo trộn ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, học tập của cháu do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Thảo M cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Mặc dù, giao con cho chị L nuôi nhưng nếu trong thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng chị L gặp khó khăn hoặc cản trở việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với con thì anh Khanh E vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Khanh E không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Chị L không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị L, anh Khanh E xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét;

[5] Về nợ chung: Chị L, anh Khanh E xác định có nợ ông Lê Trung D số tiền 125.000.000đ. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận mỗi người có trách nhiệm trả một nữa, cụ thể chị L trả 62.500.000đ, anh Khanh E trả 62.500.000đ và được chị Lê Đào C là người đại diện cho ông D đồng ý, việc thỏa thuận này trước khi mở phiên tòa nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tại phiên tòa chị C có thay đổi ý kiến, chị không yêu cầu chị L trả nợ, để ông D và chị L tự thỏa thuận, trường hợp không tự thỏa thuận được, ông D có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

[6] Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; anh Khanh E phải chịu án phí nợ chung theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Cẩm L về việc xin ly hôn anh Trần Khanh E.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thảo M, sinh ngày 13/6/2008 cho chị Lê Cẩm L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Khanh E được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị L, anh Khanh E xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung:

+ Anh Khanh E thừa nhận nợ và đồng ý trả cho ông Lê Trung D số tiền: 62.500.000đ (Sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày ông D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Khanh E không tự nguyện thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ, ngày 08 tháng 7 năm 2019, chị L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000408 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung quỹ nhà nước.

+ Anh Khanh E phải nộp: Án phí đối với nghĩa vụ trả nợ 1.562.500đ (Chưa nộp).

+ Ông Lê Trung D không phải chịu án phí, ngày 22 tháng 7 năm 2019, ông đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 3.125.000đ theo biên lai số 0000491 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được trả lại toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Tân, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.